

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1078/2020/DS-PT  
Ngày: 08/12/2020  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Hằng

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thị Như Hà

Ông Lê Ngọc Tường

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Duy Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/DSPT ngày 05/02/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 534/2019/DSST ngày 10/12/2019 của Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5419/QĐPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19224/QĐPT-DS ngày 17 giữa 11 năm 2020 các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ

Địa chỉ: Số 5 đường 32, phường Q, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Ông Nguyễn Thành Trí, trú tại: Số 149/5 đường Cao Văn Lầu, Phường I, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 206/UQ-QTD ngày 08/10/2016) có mặt

**2. Bị đơn:** Bà Phan Nguyệt Hồng T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 181 Nguyễn Thái Bình, Phường B, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:* Bà Phùng Thị Ngọc H , trú tại: 526 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, (Theo văn bản uỷ quyền ngày 22/06/2019).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Phạm Nguyệt Hồng T2, sinh năm 1982;

3.2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1953;

3.3. Ông Vũ Hữu Đ, sinh năm 1984;

3.4. Trẻ Vũ Trần Gia H , sinh năm 2014 (do Ông Vũ Kim L , sinh năm 1988 là người giám hộ);

3.5. Ông Vũ Kim L , sinh năm 1988;

3.6. Ông Trần Văn H , sinh năm 1946;

Cùng địa chỉ: Số 453KA/11A, đường Lê Văn Sỹ, Phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người kháng cáo:** Bị đơn Phan Nguyệt Hồng T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 7 năm 2016, trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn - Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ- có ông Nguyễn Thành H đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Ngày 07 tháng 12 năm 2011 bà Phan Nguyệt Hồng T có ký với Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ hợp đồng tín dụng số 1089/HĐTD với số tiền vay là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng); thời hạn vay 60 tháng; lãi suất thời điểm ký hợp đồng là 1,90%/tháng; hình thức trả nợ là: Trả gốc và lãi hàng tháng theo phương thức lãi giảm dần theo dư nợ gốc (Văn bản thỏa thuận trả nợ vay ngày 08/12/2011); mục đích sử dụng vốn: Kinh doanh vàng, bạc. Tài sản đảm bảo tiền vay là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 77; Tờ bản đồ số 7; địa chỉ: 453KA/11A Lê Văn Sỹ, Phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy chứng nhận QSDĐ QSHNỞ & Tài sản khác gắn liền với đất số: CH 03076/2010/GCN do UBND Quận B cấp ngày 17/11/2010, chủ sở hữu là bà Phan Nguyệt Hồng T2. Theo hợp đồng thế chấp số: 1089/HĐTC ký ngày 07/12/2011 (số công chứng 020342) và được đăng ký Giao dịch bảo đảm lần hai ngày 08/12/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ cam kết tài sản thế chấp chưa bị Quỹ Tín dụng yêu cầu phát mãi.

Đối với tiền nợ gốc: Bà T đã trả cho Quỹ Tín dụng 220.157.000 đồng;

Đối với nợ lãi trong hạn: Bà T đã trả được 723.755.000 đồng;

Đối với nợ lãi quá hạn: Bà T đã trả được 7.000.000 đồng;

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền của Bà T còn nợ cụ thể như sau:

Nợ gốc: 1.179.843.000 (Một tỷ một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn) đồng;

Nợ lãi trong hạn: 437.475.000 (Bốn trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng;

Nợ lãi quá hạn: 1.194.091.000 (Một tỷ một trăm chín mươi tư triệu không trăm chín mươi một ngàn) đồng;

Tổng cộng: 2.811.409.000 (Hai tỷ tám trăm mười một triệu bốn trăm linh chín ngàn) đồng.

Quỹ Tín dụng yêu cầu Bà T thanh toán ngay toàn bộ số tiền trên.

Nợ lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 11/12/2019 cho đến khi Bà T thanh toán hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp Bà T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ, Quỹ Tín dụng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm nêu trên sau khi phát mãi không đủ để thanh toán các khoản nợ thì Quỹ Tín dụng yêu cầu Bà T phải trả cho đến khi hết nợ.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phùng Thị Ngọc H đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trình bày:*

Bị đơn đồng ý với phần trình bày và các yêu cầu của Nguyên đơn. Căn cứ vào bảng kê tính gốc, lãi của Quỹ Tín dụng đến ngày 10/12/2019 thì số nợ cụ thể của Bà T theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Quỹ Tín dụng và Bà T như sau:

Nợ gốc: 1.179.843.000 (Một tỷ một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn) đồng;

Nợ lãi trong hạn: 437.475.000 (Bốn trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng;

Nợ lãi quá hạn: 1.194.091.000 (Một tỷ một trăm chín mươi tư triệu không trăm chín mươi một ngàn) đồng;

Tổng cộng: 2.811.409.000 (Hai tỷ tám trăm mười một triệu bốn trăm linh chín ngàn) đồng.

Số tiền Bà T vay từ Quỹ tín dụng được thực hiện vào mục đích kinh doanh, nhưng do làm ăn thua lỗ tài chính gặp khó khăn nên ảnh hưởng quá trình trả vốn lẫn lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bà T xin được miễn tiền lãi quá hạn, chỉ trả phần nợ gốc là 1.179.843.000 (Một tỷ một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn) và nợ lãi trong hạn là 437.475.000 (Bốn trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng trong thời hạn 06 (sáu) tháng.

Nếu Bà T không trả được số nợ nêu trên thì Bà T chấp nhận phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại: Thửa đất số: 77, tờ bản đồ số: 7, địa chỉ: 453KA/11A đường Lê Văn Sỹ, Phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH 03076/2010/GCN do Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/11/2010, chủ sở hữu là bà Phan Nguyệt Hồng T2.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Nguyệt Hồng T2, sinh năm 1982; Bà Trần Thị C, sinh năm 1953; Ông Vũ Hữu Đ, sinh năm 1984;Cháu Vũ Trần Gia H, sinh năm 2014 (do Ông Vũ Kim L, sinh năm 1988 là người giám hộ); Ông Vũ Kim L, sinh năm 1988; Ông Trần Văn H, sinh năm 1946 không đến Tòa giải quyết vụ án, không nộp bản khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ.*

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 543/2019/DS-ST ngày 11/12/2019 của Tòa án nhân dân Quận I đã tuyên:*

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 323; Điều 342 và Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ:

Buộc bà Phan Nguyệt Hồng T phải thanh toán ngay cho Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ toàn bộ tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số:1089/HĐTD ngày 07/12/2011 tính đến ngày 10/12/2019 tổng cộng là 2.811.409.000 (Hai tỷ tám trăm mười một triệu bốn trăm linh chín ngàn) đồng. Trong đó:

Nợ gốc: 1.179.843.000 (Một tỷ một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn) đồng;

Nợ lãi trong hạn: 437.475.000 (Bốn trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng;

Nợ lãi quá hạn: 1.194.091.000 (Một tỷ một trăm chín mươi tư triệu không trăm chín mươi một ngàn) đồng;

Kể từ ngày 11/12/2019, Bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng cho vay.

Sau khi Bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên, Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ có trách nhiệm xóa nội dung đã đăng ký thế chấp.

Trường hợp Bà T không thanh toán được các khoản nợ cho Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ thì Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 77; Tờ bản đồ số 7; địa chỉ: 453KA/11A Lê Văn Sỹ, Phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy chứng nhận QSDĐ QSHNO & Tài sản khác gắn liền với đất số: CH 03076/2010/GCN do UBND Quận B cấp ngày 17/11/2010, chủ sở hữu là bà Phan Nguyệt Hồng T2. Theo hợp đồng thế chấp số: 1089/HĐTC ký ngày 07/12/2011 (số công chứng 020342) và được đăng ký Giao dịch bảo đảm lần hai ngày 08/12/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nếu số tiền phát mãi không đủ trả cho Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ thì Bà T tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/12/2019, bị đơn bà Phan Nguyệt Hồng T có đơn xin kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 534/2019/DSST ngày 10/12/2019 của Tòa án nhân dân Quận I vì chưa xem xét đến yêu cầu của bà về việc miễn trả lãi và trả dần tiền nợ gốc.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo, đồng thời người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu kháng cáo, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Xét hợp đồng tín dụng số 1089/HĐTD ngày 07/12/2011 giữa Quỹ Tín dụng Tân Quy Đông và Bà T có cơ sở xác định: Bà T có vay của Quỹ Tín dụng số tiền 1.400.000.000 đồng, đã nhận tiền nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, vi phạm thỏa thuận tại Điều 6 của hợp đồng tín dụng. Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ khởi kiện yêu cầu Bà T phải thanh toán số tiền nợ gốc 1.179.843.000 đồng và tiền lãi. Tòa án nhân dân Quận I xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận I.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 10/12/2019, Tòa án nhân dân Quận I xét xử và ban hành Bản án số 534/2019/DS-ST. Ngày 26/12/2019 bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định và hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn bà Phan Nguyệt Hồng T có địa chỉ cư trú tại Quận I. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và Khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận I.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng:

Xét hợp đồng tín dụng số 1089/HĐTD ký ngày 07 tháng 12 năm 2011 giữa bà Phan Nguyệt Hồng T và Quỹ tín và dụng nhân dân Tân Quy Đông với số tiền

vay là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng); thời hạn vay 60 tháng; lãi suất thời điểm ký hợp đồng là 1,90%/tháng; hình thức trả nợ: Trả gốc và lãi hàng tháng theo phương thức lãi giảm dần theo dư nợ gốc. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, căn cứ theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng tín dụng đã ký kết và các quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ khởi kiện yêu cầu trả nợ số nợ gốc 1.179.843.000 (Một tỷ một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn) đồng và tiền lãi là có cơ sở.

Về số tiền lãi: Tại toà án cấp sơ thẩm nguyên đơn tính số tiền lãi đến ngày toà xét xử sơ thẩm là:

1.Nợ lãi trong hạn: 437.475.000 (Bốn trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng;

2.Nợ lãi quá hạn: 1.194.091.000 (Một tỷ một trăm chín mươi tư triệu không trăm chín mươi một ngàn) đồng;

Yêu cầu tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng và Điều 91 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cũng đã xác nhận số tiền nợ gốc và lãi đúng như cách tính của nguyên đơn, không tranh chấp về khoản nợ gốc và lãi trong hạn, chỉ yêu cầu được trả chậm tiền gốc và miễn lãi quá hạn do làm ăn gặp khó khăn.

Xét thấy kháng cáo của bị đơn về việc Toà án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu của bị đơn về việc xin được trả số tiền nợ gốc và nợ lãi trong hạn trong thời gian 6 tháng, miễn trả lãi quá hạn là không có cơ sở chấp nhận. Vì tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận về lãi quá hạn trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại toà án cấp sơ thẩm bị đơn yêu cầu được trả dần số nợ nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn thì đến thời điểm này bị đơn vẫn không có thiện chí tiếp tục trả nợ.

[2.2.2] Bản án dân sự sơ thẩm tuyên về vấn đề xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 77; Tờ bản đồ số 7; địa chỉ: 453KA/11A Lê Văn Sỹ, Phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy chứng nhận QSDĐ QSHNƠ & Tài sản khác gắn liền với đất số: CH 03076/2010/GCN do UBND Quận B cấp ngày 17/11/2010, chủ sở hữu là bà Phan Nguyệt Hồng T2. Theo hợp đồng thế chấp số: 1089/HĐTC ký ngày 07/12/2011 (số công chứng 020342) và được đăng ký Giao dịch bảo đảm lần hai ngày 08/12/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Điều 5 và Điều 6 của hợp đồng tín dụng đã quy định rõ Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp Bà T không trả được nợ đến hạn. Do đó, trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ trên thì nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là có cơ sở.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ khác; Xét Toà án cấp sơ thẩm đã điều tra, xác minh đầy đủ, viện dẫn các quy định của pháp luật để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc xin trả chậm số tiền gốc và lãi trong hạn, miễn trả tiền tiền lãi quá hạn là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí Dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí Dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Nguyệt Hồng T
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 534/2019/DSST ngày 10/12/2019 của Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ:

1. Buộc bà Phan Nguyệt Hồng T phải thanh toán ngay cho Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ toàn bộ tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số: 1089/HĐTD ngày 07/12/2011 tính đến ngày 10/12/2019 tổng cộng là 2.811.409.000 (Hai tỷ tám trăm mười một triệu bốn trăm linh chín ngàn) đồng. Trong đó:



-Nợ gốc: 1.179.843.000 (Một tỷ một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn) đồng;

-Nợ lãi trong hạn: 437.475.000 (Bốn trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng;

-Nợ lãi quá hạn: 1.194.091.000 (Một tỷ một trăm chín mươi tư triệu không trăm chín mươi một ngàn) đồng;

2. Kể từ ngày 11/12/2019, Bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng cho vay.

3. Sau khi Bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên, Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ có trách nhiệm xóa nội dung đã đăng ký thế chấp. Trường hợp Bà T không thanh toán được các khoản nợ cho Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ thì Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 77; Tờ bản đồ số 7; địa chỉ: 453KA/11A Lê Văn Sỹ, Phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy chứng nhận QSDĐ QSHNO & Tài sản khác gắn liền với đất số: CH 03076/2010/GCN do UBND Quận B cấp ngày 17/11/2010, chủ sở hữu là bà Phan Nguyệt Hồng T2. Theo hợp đồng thế chấp số: 1089/HĐTC ký ngày 07/12/2011 (số công chứng 020342) và được đăng ký Giao dịch bảo đảm lần hai ngày 08/12/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nếu số tiền phát mãi không đủ trả cho Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ thì Bà T tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

#### 4. Về Án phí

Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Nguyệt Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 88.228.180 (Tám mươi tám triệu hai trăm hai mươi tám ngàn một trăm tám mươi) đồng.

- Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ số tiền 34.200.195 (Ba mươi bốn triệu hai trăm ngàn một trăm chín mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0004431 ngày 05/10/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh”.

Án phí Dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Phan Nguyệt Hồng T phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0005660 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân Quận I;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận I;
- Các đương sự
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Hằng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Tường – Huỳnh Thị Như Hà**

**Phan Thị Hằng**



